

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay; và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	· VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	32.076.704.923	28.893.398.900
Tiền gửi ngân hàng	42.747.015.397	135.706.211.045
Các khoản tương đương tiền (*)	31.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	105.823.720.320	164.599.609.945

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	74.899.599.913	73.011.571.346
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	5.800.000.000	5.800.000.000
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	2.611.690.000	-
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lai Khác	2.161.503.300 5.812.137.413	13.708.760.985 6.986.242.418
TỔNG CỘNG	91.284.930.626	99.506.574.749
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.031.950.156)	(1.025.635.606)
GIÁ TRỊ THUẦN	90.252.980.470	98.480.939.143

Chi tiết tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	1.025.635.606	1.036.321.929
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	6.314.550	1.636.937
Số cuối kỳ	1.031.950.156	1.037.958.866

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	20.303.292.923	19.584.173.159
Tạm ứng cho nhân viên	6.757.047.700	6.302.009.157
Thuế thu nhập cá nhân phải thu tài xế và nhân viên	4.413.712.582	6.470.155.912
Phải thu vé máy bay	2.559.225.891	3.422.496.213
Ký quỹ, ký cược	2.492.203.700	1.718.201.200
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	1.516.512.180	360.856.548
Khác	2.564.590.870	1.310.454.129
Dài hạn	1.483.900.000	1.109.900.000
Ký quỹ, ký cược	1.483.900.000	1.109.900.000
TỔNG CỘNG	21.787.192.923	20.694.073.159
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.934.158.251)	(1.934.158.251)
GIÁ TRỊ THUẦN	19.853.034.672	18.759.914.908

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện công cụ, dụng cụ chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.377.246.812	4.121.336.697.567	999.435.519	4.128.713.379.898
Mua mới trong kỳ	-	111.441.593.410	153.835.000	111.595.428.410
Thanh lý	-	(229.881.218.680)	-	(229.881.218.680)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	6.377.246.812	4.002.897.072.297	1.153.270.519	4.010.427.589.628
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	711.376.164	12.558.012.898	785.418.719	14.054.807.781
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.710.343.616	1.589.658.145.633	820.630.165	1.593.189.119.414
Khấu hao trong kỳ	944.311.764	250.130.828.706	60.806.228	251.135.946.698
Thanh lý	-	(205.182.972.718)	-	(205.182.972.718)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.654.655.380	1.634.606.001.621	881.436.393	1.639.142.093.394
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.666.903.196	2.531.678.551.934	178.805.354	2.535.524.260.484
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.722.591.432	2.368.291.070.676	271.834.126	2.371.285.496.234
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	-	1.792.845.737.977	-	1.792.845.737.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Phương tiện vận tải

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 297.078.181.752

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 76.117.757.802

Khấu hao trong kỳ 18.567.386.916

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 94.685.144.718

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 220.960.423.950

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 202.393.037.034

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 1.431.221.000

Mua mới trong kỳ 85.000.000

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 1.516.221.000

Trong đó:

Đã hao mòn hết 1.218.289.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 1.264.857.256

Hao mòn trong kỳ 50.905.325

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 1.315.762.581

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 166.363.744

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 200.458.419

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

*Ngày 30 tháng 6
năm 2017*

*Ngày 31 tháng 12
năm 2016*

Phương tiện vận tải 5.404.938.000 23.993.629.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	26.068.890.778	24.433.891.958
Bảo hiểm vật chất xe	16.188.358.323	15.834.580.273
Phí bảo trì đường bộ	3.445.646.264	4.652.949.000
Phí đăng kiểm	1.578.675.001	-
Chi phí quảng cáo	1.099.409.094	721.318.182
Công cụ, dụng cụ đang dùng	673.724.035	989.280.702
Khác	3.083.078.061	2.235.763.801
Dài hạn	72.937.191.901	79.399.196.433
Tiền thuê văn phòng trả trước	53.110.963.348	53.766.654.256
Công cụ, dụng cụ đang dùng	16.951.599.529	22.166.437.834
Chi phí nâng cấp, cải tạo văn phòng	1.985.161.920	2.137.474.007
Phí bảo trì đường bộ	16.422.000	58.041.000
Khác	873.045.104	1.270.589.336
TỔNG CỘNG	99.006.082.679	103.833.088.391

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	25.069.122.797	139.230.789.045	(146.540.502.737)	17.759.409.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.789.238.402	25.701.944.093	(37.562.599.121)	11.928.583.374
Thuế thu nhập cá nhân	9.344.471.891	3.007.801.785	(10.760.830.254)	1.591.443.422
Khác	-	12.900.000	(12.900.000)	-
TỔNG CỘNG	58.202.833.090	167.953.434.923	(194.876.832.112)	31.279.435.901

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lương tháng 13	11.400.000.000	-
Khác	3.184.009.011	17.291.291
TỔNG CỘNG	14.584.009.011	17.291.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi vay phải trả	3.832.956.466	4.553.163.055
Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.273.641.150	12.179.108.914
Cổ tức phải trả	475.599.000	69.187.410.000
Bảo hiểm vật chất xe	115.658.076	968.166.912
Khác	3.819.285.222	2.587.828.937
TỔNG CỘNG	<u>10.517.139.914</u>	<u>89.475.677.818</u>

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	118.495.344.876	124.398.339.604
Nhận ký quỹ từ khách hàng	46.957.738.861	44.115.373.471
Dự phòng trợ cấp thôi việc	8.886.948.066	11.592.857.009
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>175.840.031.803</u>	<u>181.606.570.084</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	900.100.280.957	1.058.283.929.591
Thuê tài chính (ii)	84.631.220.258	113.284.309.610
TỔNG CỘNG	<u>984.731.501.215</u>	<u>1.171.568.239.201</u>

Trong đó:

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	448.390.473.355	487.993.371.062
+ Vay từ các ngân hàng	402.493.400.335	431.169.646.479
+ Nợ thuê tài chính	45.897.073.020	56.823.724.583
Vay và nợ dài hạn	536.341.027.860	683.574.868.139
+ Vay từ các ngân hàng	497.606.880.622	627.114.283.112
+ Nợ thuê tài chính	38.734.147.238	56.460.585.027

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	VND			
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngân hàng	1.058.283.929.591	67.316.500.000	(225.500.148.634)	900.100.280.957
Nợ thuê tài chính	113.284.309.610	-	(28.653.089.352)	84.631.220.258
TỔNG CỘNG	<u>1.171.568.239.201</u>	<u>67.316.500.000</u>	<u>(254.153.237.986)</u>	<u>984.731.501.215</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) *Vay dài hạn từ các ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để mua phương tiện vận tải cho việc kinh doanh dịch vụ taxi. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tên ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả (đến ngày 30/6/2018)		Tổng cộng	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
	Vay dài hạn	Vay dài hạn				
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	75.193.328.810	107.827.283.408	183.020.612.218	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản + biên độ từ - 0,6% đến -1%	865 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 Thành phố Hồ Chí Minh	149.894.000.000	143.718.235.000	293.612.235.000	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2%	1.517 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	14.665.600.008	34.734.921.863	49.400.521.871	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	93 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	143.166.052.113	179.183.015.888	322.349.068.001	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản VND ba tháng + lãi biên 1,5%	1.353 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	5.839.800.000	3.923.454.167	9.763.254.167	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi + biên độ 2,5%	55 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	9.536.323.404	25.921.238.296	35.457.561.700	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi + biên độ 1,5%	33 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	4.198.296.000	2.298.732.000	6.497.028.000	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi + biên độ từ 2%	71 xe
TỔNG CỘNG	402.493.400.335	497.606.880.622	900.100.280.957			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn từ các ngân hàng (tiếp theo)

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Diễn giải	Quý III/2017	Quý IV/2017	Quý I/2018	Quý II/2018	Tổng cộng
Giá trị thanh toán	112.462.246.861	105.807.713.069	94.396.770.224	89.826.670.181	402.493.400.335

(ii) Thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng A Châu. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính
Dưới 1 năm	50.994.379.673	5.097.306.653	63.492.438.443	6.668.713.860
Từ 1 - 5 năm	41.183.705.415	2.449.558.177	60.490.233.602	4.029.648.575
TỔNG CỘNG	92.178.085.088	7.546.864.830	123.982.672.045	10.698.362.435
				113.284.309.610